

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 123/2023/DS-PT

Ngày 21/3/2023

V/v: “Tranh chấp về thừa kế tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Bình

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị Hà

Bà Nguyễn Thu Hồng

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền - Thẩm tra viên chính
Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 21/3/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 24/2023/TLPT-DS ngày 17/01/2023 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”;

Do bản án dân sự sơ thẩm số 120/2022/DSST ngày 08/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2023/QĐ-PT ngày 13 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1. Bà Nguyễn Thị Nga, sinh năm 1965.

2. Bà Nguyễn Thị Ngân, sinh năm 1970.

Cùng địa chỉ: thôn Phù Đồng 2, xã Phù Đồng, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Ông Nguyễn Hợp Thắng, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Xóm bộ, thôn Phù Đồng 2, xã Phù Đồng, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Hoàng Thị Nhị, sinh năm 1971 (vợ ông Thắng)

2. Chị Nguyễn Thị Thu Quyên, sinh ngày 17/10/2002 (con ông Thắng)

3. Cháu Nguyễn Hợp Chiến, sinh ngày 30/12/2005 (con ông Thắng)

Người đại diện theo pháp luật của cháu Chiến là bố mẹ đẻ: Ông Nguyễn Hợp Thắng, sinh năm 1967 và bà Hoàng Thị Nhị, sinh năm 1971. Đều ở địa chỉ: Thôn Phù Đồng 2, xã Phù Đồng, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

4. Ủy ban nhân dân xã Phù Đồng

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Xuân Tĩnh - Chức vụ: Chủ tịch xã.

Địa chỉ: Xã Phù Đồng, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

Những người làm chứng:

1. Ông Đỗ Trung Thành, sinh năm 1941.

Địa chỉ: Xóm Chợ, thôn Phù Đồng 2, xã Phù Đồng, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

2. Anh Bùi Vũ Nam, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Xóm Chợ, thôn Phù Đồng 2, xã Phù Đồng, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

3. Ông Nguyễn Văn Tấn, sinh năm 1971

Địa chỉ: Thôn Khoan Tế, xã Đa Tốn, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

4. Ông Hoàng Thái Vụ, sinh năm 1942

Địa chỉ: Số nhà 1, xóm Lai- Phù Dực, xã Phù Đồng, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

5. Ông Lê Văn Hòa, sinh năm 1959

6. Bà Nguyễn Thị Thành, sinh năm 1961

Cùng địa chỉ: Số nhà 1, Tổ 1, phường Giang Biên, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Nga, bà Nguyễn Thị Ngân, ông Nguyễn Hợp Thắng, bà Hoàng Thị Nhị.

(Bà Nguyễn Thị Nga, bà Nguyễn Thị Ngân, ông Nguyễn Hợp Thắng, bà Hoàng Thị Nhị có mặt, những người tham gia tố tụng khác vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và những lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

- **Về quan hệ huyết thống:** Cụ Nguyễn Hợp Thìn (tức Ba), sinh năm 1940, chết năm 1993 có vợ là cụ Đặng Thị Quế sinh năm 1943, chết năm 2016. Hai cụ sinh được 04 người con là: Nguyễn Thị Nga, sinh năm 1965; Nguyễn Hợp Xuân, sinh năm 1963 (đã chết năm 2005 chưa có vợ con); Nguyễn Hợp Thắng, sinh năm 1965 và Nguyễn Thị Ngân, sinh năm 1970.

Về di sản thừa kế: Quá trình sinh sống hai cụ có khối tài sản là đất ở thửa số 07, tờ bản đồ số: Phù Đồng 9, diện tích 592m² (chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) và đất nông nghiệp 1.536m² tại Xóm Bộ, thôn Phù Đồng 2, xã Phù Đồng, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Năm 1993 cụ Thìn chết không để lại di chúc.

Ngày 18/01/2016 cụ Đặng Thị Quế (vợ cụ Thìn) lập di chúc tại Văn phòng công chứng An Khánh với nội dung: Tặng cho con gái là Nguyễn Thị Nga 226,9m² đất ở, số hiệu thửa đất 7-1; Tờ bản đồ địa chính số Phù Đồng 9 tại Xóm Bộ (xóm Chợ), thôn Phù Đồng II, xã Phù Đồng, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội là một phần thửa đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của cụ Quế trong khối tài sản chung vợ chồng cụ thuộc thửa số 07; tờ bản đồ số: Phù Đồng 9, tại Xóm Bộ (xóm Chợ), thôn Phù Đồng II, xã Phù Đồng, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội. Kèm theo di chúc có hồ sơ kỹ thuật thửa đất.

Ngày 08/3/2016 cụ Đặng Thị Quế chết.

Sau khi cụ Quế chết, bà Nga và bà Ngân đề nghị ông Thắng thực hiện theo di chúc của cụ Quế thì ông Thắng không thực hiện và cho rằng không có bản di chúc nào của cụ Quế.

Nay các nguyên đơn yêu cầu:

- Chia thừa kế tài sản theo di chúc của cụ Đặng Thị Quế.
- Chia thừa kế theo pháp luật di sản thừa kế của cụ Nguyễn Hợp Thìn (tức Ba), cụ Đặng Thị Quế và ông Nguyễn Hợp Xuân là quyền sử dụng đất còn lại nằm ngoài di chúc của cụ Quế;
- Chia thừa kế theo pháp luật phần đất sản xuất nông nghiệp của hộ gia đình cụ Quế gồm tiêu chuẩn đất nông nghiệp của cụ Quế và ông Xuân.

Quá trình giải quyết, các nguyên đơn đã thống nhất xác định phần đất sản xuất nông nghiệp là di sản của cụ Quế và ông Xuân để gia đình tự thỏa thuận giải quyết nên ngày 15/7/2021 bà Nga, bà Ngân đã nộp đơn rút phần yêu cầu chia thừa kế đất sản xuất nông nghiệp của cụ Quế, ông Xuân.

- Di sản thừa kế chia và được hưởng bằng đất, các tài sản khác không còn giá trị sử dụng nên không yêu cầu gì.

Về vị trí phân chia đất cho các hàng thừa kế: Ông Thắng được chia vị trí có nhà ông Thắng đang sử dụng, tính từ lối cổng (phía Nam) vào đến hết tường hậu

nhà ông Thắng đang sử dụng. Nếu nhiều hơn kỷ phần ông Thắng được hưởng thì cũng cho ông Thắng, nếu ít hơn thì lùi lại phía sau cho đủ diện tích. Bà Nga, bà Ngân đồng ý cho ông Thắng được hưởng kỷ phần theo pháp luật và thêm 30m² đất nữa nếu hai bên hòa giải với nhau. Bà Nga hưởng phần đất thừa kế nơi có nhà cụ Quế và bà Nga sử dụng từ trước. Bà Ngân hưởng phần đất ao vườn phía sau nhà ông Thắng đang sử dụng.

- Về lối đi: Lấy ranh giới giữa đầu hồi nhà hiện nay ông Thắng đang sử dụng và đầu hồi nhà của cụ Quế và bà Nga trước đây sử dụng chạy dọc từ Bắc xuống Nam làm lối đi chung của bà Nga, bà Ngân khi phân chia đất cho các bên. Chiều rộng lối đi là 2m tính từ đầu hồi nhà ông Thắng sử dụng dịch chuyển sang phần đất có nhà của cụ Quế bà Nga trước đây sử dụng (phải phá 1 phần gian nhà của cụ Quế vì nhà cũng đã đổ nát) chạy dọc từ Bắc xuống Nam.

***Bị đơn: Ông Nguyễn Hợp Thắng trình bày:**

Nội dung về quan hệ huyết thống của gia đình ông thống nhất như bà Nga, bà Ngân đã trình bày tại Tòa án.

Năm 1990 ông Thắng kết hôn với bà Nhị và ở cùng với bố mẹ tại Xóm Bộ, xã Phù Đồng, huyện Gia Lâm trên diện tích 224m². Mẹ luôn đau yếu, anh trai thân kinh, chị gái yếu nên vợ chồng ông là lao động chính.

Năm 1991 vợ chồng ông mua thêm đất để thành 592m², thuộc thửa số 7 hiện nay. Bố mẹ ông đã phân chia cho vợ chồng ông ở phần đất hơn 300m² đứng tên ông và có nghĩa vụ đóng thuế, còn lại bố mẹ ông sử dụng 224m² và đóng thuế thì đứng tên bố mẹ ông. Năm 1993 xã có bán đất, bà Nhị đã vay tiền để mua, nay thuộc thửa 8, thửa 9 vợ chồng ông phải thuê người đổ đất, san nền nay đứng tên ông Nguyễn Hợp Thắng. Cụ Thìn chết năm 1993, cụ Quế chết năm 2016 và không nói gì về việc viết di chúc để đất cho con gái. Ông Xuân chết năm 2005 chưa có vợ con.

Bà Nga, bà Ngân khởi kiện đòi chia đất theo di chúc của cụ Quế lập năm 2016 tất cả 592m² ông không đồng ý vì còn nghi ngờ về di chúc đó, nên đề nghị Tòa án giúp đỡ cho gia đình thảo luận, giải quyết ổn thỏa giữ được tình cảm gia đình và ổn định cuộc sống.

***Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Bà **Hoàng Thị Nhị** (vợ ông Thắng) trình bày: Bà về làm dâu gia đình cụ Ba, cụ Quế thì ở chung cùng bố mẹ chồng trên phần đất của gia đình chồng có từ trước khoảng hơn 200m². Đến năm 1992 bà đưa tiền cho cụ Thìn (tức Ba) hai lần tiền mỗi lần 500.000đồng, tổng là 1.000.000đồng, có giấy tờ nộp tiền mua đất đứng tên cụ Ba. Việc đưa tiền không có ai làm chứng, không có giấy tờ gì về việc bà giao tiền cho bố chồng. Năm 1993 cụ Ba đã viết giấy viết tay giao lại quyền cho bà Nhị (không có ông Thắng) sử dụng 500m² đất đó.

Nay bà Nga, bà Ngân có yêu cầu chia thừa kế thừa đất vợ chồng bà đang quản lý sử dụng quan điểm bà là: Xác định di sản của cụ Quế và cụ Thìn chỉ có 220m². Nếu đủ điều kiện chia di sản của cụ Thìn và cụ Quế thì chỉ chia 220m². Diện tích đất còn lại là của cá nhân bà không liên quan đến ông Thắng và các người khác. Phương hướng hòa giải bà Nga, bà Ngân trình bày bà không đồng ý vì chia vào phần đất của cá nhân bà.

Về đất nông nghiệp: Bà nhất trí với việc rút yêu cầu chia thừa kế đất nông nghiệp là di sản cụ Quế của nguyên đơn.

- Chị Nguyễn Thị Thu Quyên vắng mặt trong cả quá trình tố tụng và không có ý kiến gì.

- UBND xã Phù Đồng có quan điểm:

Về quan hệ giữa các đương sự: Ông Nguyễn Hợp Thìn (tức Ba) có vợ là bà Đặng Thị Quế. Ông Thìn và bà Quế sinh được 04 người con gồm: Ông Nguyễn Hợp Xuân, chết năm 2005. Trước khi chết ông Xuân không có vợ, con nuôi, con riêng nào; Bà Nguyễn Thị Nga, sinh năm 1965; ông Nguyễn Hợp Thắng, sinh năm 1966; bà Nguyễn Thị Ngân, sinh năm 1970.

Về nguồn gốc thừa đất tranh chấp và quá trình sử dụng: Thừa đất đang tranh chấp có nguồn gốc một phần là đất của ông Nguyễn Hợp Ba sử dụng trước năm 1980 (không giấy tờ). Khoảng năm 1992-1993 HTX thanh lý khu máy kéo cũ, ông Nguyễn Hợp Ba đã mua thanh lý để sử dụng. Phần đất mua thanh lý nằm trong thửa đất số 07, tờ bản đồ số 9, diện tích 592m².

Năm 2003, gia đình ông Thắng có đồ đất san lấp (là một phần thửa đất 8 và thửa 9), UBND xã Phù Đồng đã lập Biên bản đình chỉ. Năm 2005, 2006 tiếp tục đồ đất lấn chiếm, đến năm 2012 thì đồ xong. Năm 2017 UBND xã Phù Đồng đã tổ chức cưỡng chế phá dỡ công trình xây dựng vi phạm trật tự xây dựng do ông Thắng, bà Nhị làm chủ đầu tư (công trình cưỡng chế nằm trên thửa đất số 8, số 9 tờ bản đồ Phù Đồng 9). Hiện trạng thửa đất gia đình ông Thắng đang sử dụng gồm 3 thửa 7,8,9 tờ bản đồ Phù Đồng 9, chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Như vậy phần đất của gia đình cụ Ba được sử dụng hợp pháp là phần đất diện tích 592m², phần còn lại là của tập thể.

Về việc tôn tạo đất: Do đất của gia đình cụ Ba là đất thổ cư và khu máy kéo cũ của HTX thanh lý nên tôn tạo lại thửa đất số 07 nêu trên là không cần thiết. Nếu quá trình sử dụng gia đình có đồ đất tôn nền hay không địa phương không nắm rõ.

Về đất sản xuất nông nghiệp: Năm 1996 địa phương chia đất nông nghiệp theo Nghị định 64/CP, tiêu chuẩn mỗi khẩu là 528m². Tuy nhiên, có trường hợp các hộ ở đầu hoặc cuối dãy có thể thừa hoặc thiếu phần đầu bờ nên thống nhất chia theo thực tế khổ ruộng. Gia đình bà Quế được chia cho 3 khẩu là bà Quế, ông

Xuân và bà Nga, diện tích đất nông nghiệp là 1.536m² (7 thửa), đã nhận đủ ruộng chia theo phương án và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Trích lục thửa đất ngày 08/01/2016 cấp cho gia đình bà Đặng Thị Quế có sai sót về ngõ đi. Lối đi phía Đông- Bắc thửa đất số 7 tờ bản đồ số Phù Đồng 9 do vẽ năm 1993-1994 của gia đình bà Quế, ông Thìn (Ba) là sai mà chỉ là rãnh thoát nước. Ngay từ thời điểm lập bản đồ gia đình bà Quế, ông Thìn (Ba) đã đi về phía Nam thửa đất như kết quả xem xét thẩm định của Tòa án.

*** Những người làm chứng có ý kiến:**

1/ Ông Đỗ Trung Thành trình bày: Ông là hàng xóm với bà Đặng Thị Quế. Bà Quế có chồng là ông Nguyễn Hợp Thìn (tên gọi khác là Ba). Ông Ba đã chết từ lâu. Ông Ba và bà Quế sinh được 4 người con là Nguyễn Hợp Xuân, Nguyễn Thị Nga, Nguyễn Hợp Thắng và Nguyễn Thị Ngân. Anh Xuân bị lún thẩn từ bé và chết sớm chưa có vợ con gì.

Thửa đất của bà Quế và ông Ba sử dụng là của vợ chồng ông Ba tạo dựng và mua thêm của hợp tác xã, xây dựng nhà cửa, sinh con và sống tại đó. Cuối những năm 2015- 2016 bà Quế sức khỏe giảm sút nhưng vẫn minh mẫn và có ý định lập di chúc chia đất ở cho con nên đã nói chuyện với ông là lập di chúc đề nghị ông ký giúp vào di chúc với tư cách là người làm chứng. Vào khoảng tháng cuối năm âm lịch bà Quế có mời Văn phòng công chứng (ông không rõ Văn phòng công chứng nào) về tại nhà để lập di chúc. Nội dung bà Quế nói ý nguyện là phân nhà, đất bà Quế đang sử dụng sẽ để lại cho chị Nga sau này tiếp tục sử dụng, còn chi tiết bản di chúc ông không nhớ. Sau khi Văn phòng công chứng lập xong di chúc và ông có xem qua di chúc thấy giống như ý nguyện của bà Quế, nên ông ký xong và về. Cụ thể về phân chia hay sơ đồ phân chia đất của bà Quế thế nào ông không biết, nay không nhớ nữa. Ông khẳng định thời điểm lập di chúc, bà Quế vẫn đi lại, nói chuyện bình thường và vẫn minh mẫn. Hôm đó cũng có mặt anh Nam con bà Vân, ông Ty là hàng xóm có mặt chứng kiến và ký vào di chúc của bà Quế.

Lối đi phía Bắc thửa đất của ông Ba, bà Quế trước kia là mương thoát nước của địa phương, nếu có ai đi chỉ là đi trên bờ mương nhỏ chứ từ trước không có ngõ đi nào. Sau đó vợ chồng ông Ba mua thêm phần đất do xã bán về phía Bắc thửa đất thì chính ông Ba và những người mua đất xung quanh cũng lấp mương thoát nước đó nên không còn bờ mương hay lối đi nào khác. Ông khẳng định không có lối đi về phía Bắc thửa đất mà từ trước đến nay gia đình ông Ba, bà Quế chỉ có lối đi về phía Nam thửa đất như hiện nay vẫn đang đi.

Do điều kiện tuổi đã cao, đi lại khó khăn nên xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, đề nghị Tòa án không báo ông đến làm việc nữa. Ông cam đoan ý kiến trình bày là đúng sự thật, nếu sai sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật.

2/ Ông Nguyễn Văn Tấn trình bày: Năm 2016 ông là Công chứng viên thuộc Văn phòng công chứng An Khánh, có trụ sở tại số 131A Ngõ Xuân Quảng, thị trấn Trâu Quỳ, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội nên được Văn phòng giao thực hiện Công chứng hồ sơ lập di chúc của cụ Đặng Thị Quế, sinh năm 1943, HKTT và chỗ ở: Xóm Chợ, xã Phù Đồng, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

Sau khi được Tòa án cho xem lại toàn bộ hồ sơ bản sao do Văn phòng công chứng An Khánh cung cấp. Căn cứ vào hồ sơ thấy rằng: Về di chúc được lập ngoài trụ sở Văn phòng công chứng theo yêu cầu của người lập di chúc là cụ Quế, địa điểm lập tại nhà bà Nguyễn Thị Ngân (là con đẻ cụ Quế). Di chúc được lập hồi 16 giờ 00 phút ngày 18/01/2016. Theo trí nhớ của ông điều đó là đúng sự thật. Tại thời điểm lập di chúc cụ Đặng Thị Quế hoàn toàn minh mẫn, tỉnh táo, đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định pháp luật. Toàn bộ tài liệu hồ sơ liên quan do người lập di chúc là do cụ Đặng Thị Quế cung cấp, cụ Quế cam đoan các tài liệu đó là trung thực và chịu trách nhiệm về các tài liệu cung cấp.

Về sơ đồ thửa đất theo trích lục bản đồ địa chính đã có xác nhận của UBND xã Phù Đồng, Gia Lâm, thành phố Hà Nội. Về Hồ sơ kỹ thuật thửa đất gắn liền với bản di chúc do cụ Quế cung cấp, cụ khẳng định Hồ sơ kỹ thuật thửa đất đã lập theo đúng ý trí nguyện vọng của cụ, ông không kiểm tra thực tế hiện trạng thửa đất.

Về nội dung di chúc: Ông khẳng định di chúc được lập theo đúng ý trí và nguyện vọng của người lập di chúc là cụ Quế. Tại thời điểm lập di chúc có 02 người làm chứng là ông Đỗ Trung Thành, sinh năm 1941, đăng ký hộ khẩu thường trú tại Xóm Chợ, xã Phù Đồng, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội và ông Bùi Vũ Nam, sinh năm 1985, đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Xóm Bộ, xã Phù Đồng, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội. Ông xác định: Di chúc số công 000107/2016/DC. Quyền số: 09/TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 18/01/2016 của Văn phòng công chứng An Khánh do ông làm Công chứng viên thực hiện đúng quy định pháp luật, người lập di chúc và người làm chứng có đầy đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định.

Ông Tấn đã có đơn xin xử vắng mặt.

3/Anh Bùi Vũ Nam trình bày: Anh có họ xa nhiều đời với cụ Quế. Năm 2016 cụ Quế có lập di chúc và mời anh đến ký làm chứng. Khi anh đến ký thì di chúc đã lập xong rồi, anh không chứng kiến quá trình lập di chúc và không biết nội dung cụ thể di chúc của cụ Quế. Anh chỉ ký làm chứng việc cụ Quế có lập di chúc. Giữa gia đình anh và gia đình cụ Quế, ông Thắng, bà Nga, bà Ngân không có mâu thuẫn gì. Khi lập di chúc cụ Quế vẫn minh mẫn, bình thường. Anh khẳng định đúng chữ ký và viết họ tên của anh trong di chúc của cụ Quế khi được Tòa án cho xem trực tiếp.

Anh Nam có đơn xin xử vắng mặt.

4/ Ông Lê Văn Hòa trình bày: Ông và ông Nguyễn Hợp Thắng là công nhân nhà máy gạch Cầu Đuống nên thân nhau như anh em từ năm 1982-1983. Khoảng tháng 3/1993 vợ chồng ông có xuống nhà ông Thắng chơi, khi đó cụ Nguyễn Hợp Ba là bố ông Thắng còn khỏe mạnh minh mẫn và có nói về việc cho đất cho con dâu là Hoàng Thị Nhị. Cụ Ba nói có mua đất nhưng không có tiền, con dâu là Nhị vay tiền đưa cho cụ mua đất, cụ cho đất con dâu là để Nhị có trách nhiệm trả tiền đã vay. Mua đất giấy tờ đứng tên cụ Ba. Hôm đó cụ Ba có đưa cho ông xem bản di chúc và 02 phiếu thu. Bản di chúc đã được viết sẵn từ trước do cụ Ba hay ai ký không biết. Khi thấy chữ ký cụ Ba trên di chúc và chữ ký trên 02 phiếu thu giống nhau nên ông ký người làm chứng. Sau khi được Tòa án trực tiếp cho xem bản di chúc ngày 20/3/1993 ông khẳng định là chữ ký của ông trong di chúc phần người làm chứng. Khi ông ký vào bản di chúc vợ ông là bà Nguyễn Thị Thành, sinh năm 1961 đã đọc bản di chúc, cùng có cụ Ba, cụ Quế, cụ Hoàng Thái Vụ (bố đẻ bà Nhị), ông Thắng, bà Nhị cùng chứng kiến.

5/ Bà Nguyễn Thị Thành nhất trí như ý kiến ông Hòa (chồng bà)

6/ Cụ Hoàng Thái Vụ trình bày: Cụ là bố bà Hoàng Thị Nhị. Bà Nhị kết hôn với ông Thắng ở thôn Phù Đồng, xã Phù Đồng. Ông Thắng có bố tên là Ba, mẹ tên là Quế. Cụ Ba, cụ Quế có đất đai nhà cửa thế nào cụ không biết. Khi bà Nhị về làm dâu, sau có mua một phần đất liền kề, gia đình cụ có cho tiền để mua đất. Khi cho tiền con gái là Nhị mua đất không có giấy tờ gì và nay không đòi lại. Cụ thể mua đất thế nào thì do cụ Ba và bà Nhị biết, do cụ Ba lúc đó là người chủ sự gia đình nên đứng tên mua đất. Cụ không nhớ khoảng năm nào bà Nhị có nói chuyện cụ Ba viết giấy cho đất bà Nhị phần đất cụ Ba cùng bà Nhị mua thêm và bảo cụ lên ký chứng kiến nên đã đến ký. Hôm đó có cả ông Hòa là người quen của gia đình cụ Ba đã ở đó ký rồi và cả bà Nhị cũng ký rồi nên ông cũng ký làm chứng vào đó. Nay không nhớ lúc đó có đọc hay không vì đã lâu rồi.

Khi Tòa án cho cụ Vụ trực tiếp xem lại Bản di chúc của cụ Ba lập năm 1993 thì cụ khẳng định dòng chữ ghi **“Hoàng Thái Vụ”** ở phần Người làm chứng của Bản di chúc chính là chữ viết của cụ năm đó. Cụ cũng khẳng định bản phô tô Căn cước công dân của cụ do bà Nhị nộp tại Tòa là đúng với bản chính.

Ngoài ra do thời gian đã lâu nên các vấn đề khác của gia đình cụ Ba, cụ Quế thì cụ cũng không biết, không nhớ. Do điều kiện cụ tuổi cao, sức khỏe yếu đi lại khó khăn nên xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, sau này đề nghị Tòa án không báo cụ đến làm việc nữa. Cam đoan ý kiến trình bày là đúng sự thật, nếu sai cụ chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Bản án dân sự sơ thẩm số 120/2022/DSST ngày 08/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm đã xử:

1/ Đình chỉ yêu cầu chia đất sản xuất nông nghiệp là di sản thừa kế của cụ Đặng Thị Quế, ông Nguyễn Hợp Xuân.

2/ Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn

Xác định tài sản chung của cụ Nguyễn Hợp Thìn (tên gọi khác là Ba) và cụ Đặng Thị Quế là quyền sử dụng đất ở tại thửa đất số 07, tờ bản đồ số: Phù Đồng 9, tại Xóm Bộ, thôn Phù Đồng 2, xã Phù Đồng, huyện Gia Lâm, Hà Nội có diện tích đất 592m². Giá trị là: $592\text{m}^2 \times 10.000.000\text{đ}/1\text{m}^2 = 5.920.000.000\text{đồng}$.

Cụ Quế và cụ Thìn mỗi người được: $5.920.000.000\text{đồng} : 2 = 2.960.000.000\text{đồng}$

*** Năm 1993 cụ Thìn chết, mở thừa kế của cụ Thìn:**

Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Thìn có cụ Quế, ông Thắng, ông Xuân, bà Nga, bà Ngân. Vợ chồng ông Thắng ở trên đất nên có công trông nom, quản lý, đổ đất tôn tạo và được tính cho ông Thắng và bà Nhị mỗi người được chia bằng 1 kỷ phần thừa kế của cụ Thìn. Di sản thừa kế của cụ Thìn sẽ được chia làm 7 kỷ phần:

$2.960.000.000\text{đồng} : 7 = 422.857.000\text{đồng}$

*** Năm 2005 ông Xuân chết.** Hàng thừa kế thứ nhất của ông Xuân là cụ Quế. Toàn bộ di sản của ông Xuân có 422.857.000đồng do cụ Quế được hưởng.

*** Năm 2016 cụ Quế chết, mở thừa kế của cụ Quế:** Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Quế có bà Nga, ông Thắng, bà Ngân.

Tài sản của cụ Quế có: $2.960.000.000\text{đồng} + 422.857.000\text{đồng} + 422.857.000\text{đồng} = 3.805.714.000\text{đồng}$.

Di chúc cụ Quế tặng cho bà Nga 226,9m² là 2.269.000.000đồng. Còn lại: $3.805.714.000\text{đồng} - 2.269.000.000\text{đồng} = 1.536.714.000\text{đồng}$.

Phần di sản còn lại chia thừa kế theo pháp luật cho ông Thắng, bà Nga, bà Ngân. Mỗi người được hưởng: $1.536.714.000\text{đồng} : 3 = 512.238.000\text{đồng}$

Như vậy:

Bà Nga được hưởng: $2.269.000.000\text{đồng} + 422.857.000\text{đồng} + 512.238.000\text{đồng} = 3.204.095.000\text{đồng}$.

Bà Ngân được hưởng: $422.857.000\text{đồng} + 512.238.000\text{đồng} = 935.095.000\text{đồng}$.

Ông Thắng được hưởng: $422.857.000\text{đồng} + 422.857.000\text{đồng} + 512.238.000\text{đồng} = 1.357.952.000\text{đồng}$

Bà Nhị được tính công đổ đất tôn tạo: 422.857.000đồng

Chia bằng hiện vật như sau:

Giao cho bà Nguyễn Thị Nga sử dụng dụng phần đất có diện tích 181,22m² đất thuộc thửa đất số 07, tờ bản đồ số: Phù Đồng 9, tại Xóm Bộ, thôn Phù Đồng 2, xã Phù Đồng, huyện Gia Lâm, Hà Nội, giới hạn bởi các điểm 1,2,3,4, 5,6,7,8,1. (Có sơ đồ kèm theo). So với kỷ phần bà Nga được hưởng thừa kế còn thiếu 57,19m² (sau khi đã trích trừ cả 82m² bà Nga tự nguyện để làm ngõ đi chung cho phần đất bà

Nga và bà Ngân được chia), bà Nga đề nghị được thanh toán bằng tiền, giá trị là 571.900.000đồng.

Giao cho bà Nguyễn Thị Ngân sử dụng phần đất có diện tích 150,7m², tại thửa đất số 07, tờ bản đồ số: Phù Đồng 9, tại Xóm Bộ, thôn Phù Đồng 2, xã Phù Đồng, huyện Gia Lâm, Hà Nội giới hạn bởi các điểm 16,9,10,11,12,16. (Có sơ đồ kèm theo). Vị trí ở phía Bắc thửa đất (phía sau nhà hiện vợ chồng ông Thắng, bà Nhị đang sử dụng). So với kỹ phần bà Ngân được hưởng thừa 57,19m², bà Ngân có nghĩa vụ thanh toán bằng tiền trả bà Nga là 571.900.000đồng.

Giao cho ông Nguyễn Hợp Thắng và bà Nguyễn Thị Nhị được sử dụng 178,08 m² đất tại thửa đất số 07, tờ bản đồ số: Phù Đồng 9, tại Xóm Bộ, thôn Phù Đồng 2, xã Phù Đồng, huyện Gia Lâm, Hà Nội. Vị trí về phía Tây- Nam thửa đất, nơi có nhà ngói 3 gian vợ chồng ông Thắng, bà Nhị đang sử dụng, giới hạn bởi các điểm 17,16,12,13,17. (Có sơ đồ kèm theo).

Về lối đi :

Do chỉ có lối đi duy nhất của thửa đất là lối đi phía Nam hiện nay.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nga, trích trừ vào kỹ phần thừa kế của bà Nga diện tích là 82 m² đất giới hạn bởi các điểm 1,8,9,16,17,13,14,15,1 (Có sơ đồ kèm theo). Vị trí giáp hồi nhà của ông Thắng và phá một phần nhà cụ Quế, bà Nga sử dụng trước đây để làm ngõ đi chung với chiều rộng 2m, chiều dài chạy dọc từ Bắc đến Nam ra đến ngõ đi chung của thửa đất hiện nay.

Tài sản trên đất:

Hiện nhà 3 gian do vợ chồng ông Thắng đang sử dụng là do nhà cũ của cụ Thìn (Ba), cụ Quế xây dựng sau đó vợ chồng ông Thắng xây dựng và sửa chữa phía trên mái, tường, nền và sân. Ông Thắng tiếp tục sử dụng tài sản này. Không ai yêu cầu tính chia giá trị tài sản này nên không xem xét.

02 gian nhà của cụ Quế và bà Nga sử dụng trước đây nay đã cũ hỏng, không còn giá trị sử dụng, bà Nga tự nguyện phá dỡ một phần gian nhà làm lối đi chung, phần còn lại bà Nga có quyền dỡ bỏ hoặc sử dụng.

Cây cối lâm lộc trên đất do mới trồng nên khi tiến hành xem xét thẩm định và định giá tài sản không có ai yêu cầu gì nên Tòa án không tiến hành xem xét thẩm định và định giá tài sản. Các nguyên đơn xác định là tài sản của vợ chồng ông Thắng, bà Nhị nên khi chia đất, cây cối lâm lộc trên đất của bà Nga, bà Ngân được chia thì ông Thắng, bà Nhị có trách nhiệm chuyển cây cối lâm lộc đi nơi khác và tự chịu chi phí vận chuyển là phù hợp.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, bà Nhị và ông Thắng kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án. Bà

Nguyễn Thị Nga, bà Nguyễn Thị Ngân kháng cáo, không đồng ý với bản án sơ thẩm đối với việc chia cho bà Nhị trong việc có công duy trì tôn tạo thửa đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên kháng cáo. Bị đơn giữ nguyên kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

**** Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:***

1. Về tố tụng:

Người kháng cáo đã nộp đơn kháng cáo trong thời hạn, người kháng cáo được miễn nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định. Do vậy kháng cáo của bà Nguyễn Thị Nga, bà Nguyễn Thị Ngân, ông Nguyễn Hợp Thắng, bà Hoàng Thị Nhị là hợp lệ về hình thức.

Tại cấp phúc thẩm Hội đồng xét xử, Thẩm phán và thư ký đã tiến hành tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, thư ký Tòa án: Các thẩm phán tham gia phiên tòa và thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm.

- Về thẩm quyền: Bản án sơ thẩm của Tòa án huyện Gia Lâm bị kháng cáo. Căn cứ Điều 38 BLTTDS năm 2015 thì Tòa án Hà Nội đã thụ lý phúc thẩm và giải quyết đúng thẩm quyền.

- Về thụ lý và thông báo thụ lý: Sau khi thụ lý vụ án, Thẩm phán đã Thông báo việc thụ lý cho đương sự và Viện kiểm sát theo đúng qui định tại điều 285 BLTTDS.

- Triệu tập đầy đủ những người tham gia tố tụng theo quy định tại điều 294 BLTTDS.

- Trình tự diễn biến tại phiên tòa đúng theo các quy định của BLTTDS;

2. Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng

Tại cấp phúc thẩm, các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73 BLTTDS năm 2015.

3. Về nội dung vụ án

Sau khi phân tích, đánh giá về nội dung vụ án, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 BLTTDS: Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 120/2022/DSST ngày 08/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo trong thời hạn luật định. Người kháng cáo đã nộp tạm ứng án phí theo quy định. Vì vậy, kháng cáo là hợp lệ về hình thức.

[2] Về nội dung:

2.1. Về quan hệ huyết thống: Các đương sự đều thống nhất khai cụ Nguyễn Hợp Thìn (tên gọi khác là Ba), chết năm 1993 và cụ Đặng Thị Quế, chết năm 2016. Hai cụ kết hôn và sinh được 4 người con là Nguyễn Hợp Xuân, Nguyễn Thị Nga, Nguyễn Hợp Thắng và Nguyễn Thị Ngân. Ông Nguyễn Hợp Xuân đã chết năm 2015 chưa có vợ con. Hai cụ không có con nuôi, con riêng nào khác.

2.2. Về tài sản của cụ Thìn và cụ Quế:

Các nguyên đơn thống nhất hai cụ có tài sản chung là quyền sử dụng đất ở tại thửa số 07 tờ bản đồ số Phù Đồng 9 tại Phù Đồng II, xã Phù Đồng, huyện Gia Lâm, Hà Nội, diện tích đất là 592m². Cụ Quế và cụ Thìn đã xây dựng nhà và nuôi các con ở trên đất từ nhiều năm cho đến lúc chết. Theo trích lục bản đồ đo vẽ năm 1993-1994 do UBND xã Phù Đồng cấp ngày 31/7/2019 cho bà Nga, bà Ngân nộp kèm theo Đơn khởi kiện thì có ghi “*Chủ sử dụng: bà Đặng Thị Quế (đã chết), ông Nguyễn Hợp Thìn (đã chết)*” là di sản thừa kế của cụ Thìn và cụ Quế. Nhà đã cũ và một số công trình đều xây dựng từ rất lâu, không còn giá trị sử dụng. Cây cối trên đất không phải là di sản của cụ Quế, cụ Thìn. Vì vậy, xác định di sản của cụ Thìn (Ba) và cụ Quế chỉ còn là quyền sử dụng đất để chia thừa kế là 592m².

Bà Nhị, ông Thắng xác định cụ Thìn, cụ Quế chỉ có 220m², còn lại là của bà Nhị mua thêm và đưa tiền cho cụ Thìn mua, nhưng không có tài liệu chứng minh.

UBND xã Phù Đồng xác định nguồn gốc thửa đất là của cụ Quế, cụ Thìn có trước, sau đó mua thêm đất khu máy kéo của HTX (có phiếu thu tiền). Quyền sử dụng đất ở tại thửa số 07 tờ bản đồ số Phù Đồng 9 tại Phù Đồng II, xã Phù Đồng, huyện Gia Lâm, Hà Nội, diện tích đất là 592m² chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng đã đăng ký tên cụ Quế và cụ Thìn từ năm 1993.

Như vậy xác định tài sản chung của cụ Quế và cụ Thìn là quyền sử dụng đất tại thửa số 07 tờ bản đồ số: Phù Đồng 9 tại thôn Phù Đồng II, xã Phù Đồng, huyện Gia Lâm, Hà Nội, diện tích đất là 592m². Tài sản trên đất của cụ Quế, cụ Thìn xây dựng đã lâu, không còn giá trị sử dụng nên các đương sự không yêu cầu gì, chỉ yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất.

2.3. Thời điểm mở thừa kế, hàng thừa kế và thời hiệu thừa kế:

Cụ Nguyễn Hợp Thìn (tên gọi khác là Ba) có bố là cụ Nguyễn Hợp Khoát, chết năm 1955; có mẹ là cụ Nguyễn Thị Thêm, chết năm 1980. Đều chết trước cụ Thìn (Ba)

Cụ Đặng Thị Quế có bố là cụ Đặng Khoát Quán, chết năm 1949; có mẹ là cụ Nguyễn Thị Chung, chết năm 1951. Đều chết trước cụ Quế.

Cụ Nguyễn Hợp Thìn (Ba) và cụ Đặng Thị Quế sinh được 4 người con là Nguyễn Hợp Xuân (chết năm 2005 chưa có vợ, con), Nguyễn Thị Nga, Nguyễn Hợp Thắng, Nguyễn Thị Ngân ngoài ra không có con nuôi, con riêng nào khác.

Cụ Nguyễn Hợp Thìn (Ba) chết năm 1993, thời điểm mở thừa kế là năm 1993. Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Thìn là cụ Quế và ông Xuân, bà Nga, ông Thắng, bà Ngân.

Ông Nguyễn Hợp Xuân chết năm 2005, thời điểm mở thừa kế là năm 2005. Hàng thừa kế thứ nhất của ông Xuân là cụ Quế.

Cụ Đặng Thị Quế chết năm 2016, thời điểm mở thừa kế là năm 2016, hàng thừa kế thứ nhất của cụ Quế là bà Nga, ông Thắng, bà Ngân

Theo quy định của Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì thời hiệu mở thừa kế của cụ Thìn, cụ Quế còn trong hạn luật định.

2.4. Xét hiệu lực bản di chúc của cụ Đặng Thị Quế:

Ngày 18/01/2016 cụ Đặng Thị Quế đã nhờ Văn phòng công chứng An Khánh đến tại nơi mình ở (nhà con gái cụ là Nguyễn Thị Ngân ở tại Xóm Bộ (xóm Chợ) thôn Phù Đồng 2, xã Phù Đồng, huyện Gia Lâm, Hà Nội) lập di chúc thể hiện ý chí của mình. Bản di chúc do cụ Quế lập hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, đầy đủ năng lực hành vi dân sự.

Bản di chúc đã có hai người làm chứng là ông Đỗ Thành Trung và ông Bùi Vũ Nam ký tên, điểm chỉ xác nhận. Lời chứng của Công chứng viên đã ký xác nhận và đóng dấu vào di chúc. Hai người làm chứng đều xác định thời điểm lập di chúc cụ Quế vẫn minh mẫn.

Bản di chúc đã chỉ định người hưởng thừa kế, phân định tài sản cho người được thừa kế, xác định rõ di sản thừa kế để lại và ở địa chỉ nào.

Như vậy di chúc của cụ Quế đã phù hợp với quy định tại Điều 646, 647, 648, 653, 654, 657, 661 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

Kèm theo bản di chúc có Hồ sơ kỹ thuật thửa đất phân chia vị trí tài sản là đất ở cho người hưởng thừa kế. Tuy nhiên việc phân chia xác định vị trí tài sản lại dựa trên Trích lục bản đồ thửa đất do UBND xã Phù Đồng cung cấp là sai nên việc xác định lỗi đi và vị trí thửa đất chưa phù hợp với hiện trạng hiện tại các hộ gia đình đang sử dụng. Nay phân chia thừa kế, các nguyên đơn đề nghị điều chỉnh vị trí cho phù hợp với các tài sản trên đất và các hộ gia đình đang sử dụng là phù hợp.

Dù đất di sản của cụ Quế chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng trước khi cụ Quế chết đất đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 100, 101 Luật đất đai. Cụ Quế có quyền để lại thừa kế tài sản của mình theo quy định tại Điều 167 Luật đất đai.

Như vậy, di chúc của cụ Quế được coi là di chúc hợp pháp.

2.5. Xét hiệu lực Bản di chúc của cụ Thìn (Ba) lập do ông Thắng, bà Nhị xuất trình tại phiên tòa:

Tại phiên tòa ngày 24/3/2022, bị đơn là ông Nguyễn Hợp Thắng xuất trình tài liệu, chứng cứ mới là bản di chúc viết tay của cụ Nguyễn Hợp Ba. Tại bản di chúc viết tay của cụ Ba có chữ ký của hai người làm chứng lập ngày 20/3/1993. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Tòa án ra quyết định Trưng cầu giám định chữ viết trong bản di chúc trên để xác định giá trị của bản di chúc.

Để có mẫu giám định làm căn cứ xác định giá trị của bản di chúc, Tòa án đã yêu cầu các đương sự cung cấp mẫu chữ ký của cụ Thìn (Ba) giai đoạn 1992-1993. Bà Nhị đã cung cấp 2 phiếu thu tiền đất có chữ ký “Ba” và khẳng định đúng là chữ ký của cụ Thìn (Ba). Ông Đặng Bá Thành là thủ quỹ HTX và ông Nguyễn Văn Tiệp là kế toán HTX dịch vụ tổng hợp xã Phù Đồng giai đoạn năm 1992-1993 xác nhận chữ ký “Ba” trong hai Phiếu thu lập năm 1992-1993 nội dung “*nộp mua đất nhà khu cơ khí*” là của cụ Ba. UBND xã Phù Đồng cũng xác nhận ông Đặng Bá Thành là thủ quỹ HTX và ông Nguyễn Văn Tiệp là kế toán HTX dịch vụ tổng hợp xã Phù Đồng giai đoạn năm 1992-1993 là đúng. Như vậy, có căn cứ xác định chữ ký “Ba” tại hai Phiếu thu tiền đất là của cụ Ba (tên gọi khác của cụ Thìn).

Kết quả giám định: số 153/KL-KTHS ngày 15/6/2022 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an xác định: Chữ ký “Ba” tại lề dưới bên phải mẫu cần giám định A (Bản di chúc ngày 20/3/1993) và chữ ký “Ba” ký dưới mục “Thủ trưởng đơn vị” trên mẫu so sánh M1, M2 (02 phiếu thu ngày 21/12/1992 và ngày 22/3/1993): **Không phải do cùng một người ký ra.**

Không đủ cơ sở kết luận chữ viết phần nội dung và chữ viết “*Nguyễn Hợp Ba*” tại lề dưới bên phải mẫu cần giám định A (Bản di chúc ngày 20/3/1993) và chữ ký “Ba” ký dưới mục “Thủ trưởng đơn vị” trên mẫu so sánh M1, M2 (02 phiếu thu ngày 21/12/1992 và ngày 22/3/1993) có phải do cùng một người viết ra hay không; Không đủ cơ sở kết luận chữ viết phần nội dung và chữ viết “*Nguyễn Hợp Ba*”, chữ ký “Ba” và các chữ “Hoàng Thị Nhị” tại lề dưới bên phải mẫu cần giám định A (Bản di chúc ngày 20/3/1993) có phải do cùng một người viết ra hay không. Các mẫu so sánh khác không đủ cơ sở kết luận

Như vậy không đủ căn cứ xác định Bản di chúc lập ngày 20/3/1993 có ký “Ba”, *Nguyễn Hợp Ba* là của cụ Thìn (Ba) lập ra. Ngoài ra nội dung bản di chúc không ghi rõ di sản thừa kế ở vị trí nào. Cụ Thìn (Ba) không ký trước mặt những người làm chứng và những người làm chứng không xác nhận đúng chữ ký của cụ Thìn (Ba) theo quy định tại Điều 656, 659 Bộ luật dân sự năm 1995. Do vậy, không thể xem xét nội dung của văn bản này làm căn cứ phân chia di sản thừa kế của cụ Thìn (Ba) được. Di sản thừa kế của cụ Thìn (Ba) sẽ được phân chia theo quy định của pháp luật.

Việc xác định thời điểm mở thừa kế và chia tài sản thừa kế của cụ Thìn, ông Xuân và cụ Quế, chia bằng hiện vật cho người hưởng thừa kế của tòa án cấp sơ thẩm là hợp lý và theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 120/2022/DSST ngày 08/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào khoản 5 điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 điều 38; điểm c, khoản 1 điều 39; Điều 147; Điều 148; Điều 271; Điều 273; Điều 313 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Các Điều 656, 659 Bộ luật dân sự năm 1995.

- Các Điều 631, 632, 633, 634, 635, 640, 646, 647, 648, 653, 654, 657, 661, 674, 675, 676, 685 Bộ luật dân sự năm 2005.

- Điều 468, 623, 658 Bộ luật dân sự năm 2015

- Điều 100, 101, 167 Luật đất đai năm 2013;

- Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ; Nghị định 01/2017/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 06/01/2017;

- Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

- Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1/ Đình chỉ yêu cầu chia đất sản xuất nông nghiệp là di sản thừa kế của cụ Đặng Thị Quế, ông Nguyễn Hợp Xuân.

2/Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xác định tài sản chung của cụ Nguyễn Hợp Thìn (tên gọi khác là Ba) và cụ Đặng Thị Quế là quyền sử dụng đất ở tại thửa đất số 07, tờ bản đồ số: Phù Đồng 9, tại Xóm Bộ, thôn Phù Đồng 2, xã Phù Đồng, huyện Gia Lâm, Hà Nội có diện tích diện tích 592m². Giá trị là: 592m² x 10.000.000đồng/1m² = 5.920.000.000đồng.

Chia tài sản chung của cụ Quế và cụ Thìn mỗi người được hưởng: 5.920.000.000đồng : 2 = 2.960.000.000đồng

*** Năm 1993 cụ Thìn chết, mở thừa kế của cụ Thìn:**

Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Thìn có cụ Quế, ông Thắng, ông Xuân, bà Nga, bà Ngân. Vợ chồng ông Thắng ở trên đất nên có công trông nom, quản lý, đồ đạc tôn tạo và được tính cho ông Thắng và bà Nhị mỗi người được chia bằng 1 kỷ phần thừa kế của cụ Thìn. Di sản thừa kế của cụ Thìn sẽ được chia làm 7 kỷ phần:

$$2.960.000.000\text{đồng} : 7 = 422.857.000\text{đồng}$$

****Năm 2005 ông Xuân chết, mở thừa kế của ông Xuân:.***

Hàng thừa kế thứ nhất của ông Xuân là cụ Quế. Toàn bộ di sản của ông Xuân là 422.857.000 đồng do cụ Quế được hưởng.

**** Năm 2016 cụ Quế chết, mở thừa kế của cụ Quế:***

Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Quế có bà Nga, ông Thắng, bà Ngân.

Tài sản của cụ Quế có: 2.960.000.000đồng + 422.857.000đồng + 422.857.000đồng = 3.805.714.000 đồng.

Di chúc cụ Quế tặng cho bà Nga 226,9m² là 2.269.000.000đồng. Còn lại:

$$3.805.714.000\text{ đồng} - 2.269.000.000\text{đồng} = 1.536.714.000\text{ đồng}.$$

Phần di sản còn lại chia thừa kế theo pháp luật cho ông Thắng, bà Nga, bà Ngân. Mỗi người được hưởng: 1.536.714.000 đồng : 3 = 512.238.000 đồng

Chia cụ thể:

Bà Nga được hưởng: 2.269.000.000đồng + 422.857.000đồng + 512.238.000 đồng = 3.204.095.000 đồng.

Bà Ngân được hưởng: 422.857.000đồng + 512.238.000 đồng = 935.095.000 đồng.

Ông Thắng được hưởng: 422.857.000đồng + 422.857.000đồng + 512.238.000đồng = 1.357.952.000đồng.

Bà Nhị được tính công đồ đất tôn tạo: 422.857.000đồng.

Chia bằng hiện vật như sau:

Giao cho bà Nguyễn Thị Nga sử dụng dụng phần đất có diện tích 181,22m² đất thuộc thửa đất số 07, tờ bản đồ số: Phù Đồng 9, tại Xóm Bộ, thôn Phù Đồng 2, xã Phù Đồng, huyện Gia Lâm, Hà Nội, giới hạn bởi các điểm 1,2,3,4, 5,6,7,8,1. (Có sơ đồ kèm theo). So với kỷ phần bà Nga được hưởng thừa kế còn thiếu 57,19m² (sau khi đã trích trừ cả 82m² bà Nga tự nguyện để làm ngõ đi chung cho phần đất bà Nga và bà Ngân được chia), bà Nga đề nghị được thanh toán bằng tiền, giá trị là 571.900.000đồng.

Giao cho bà Nguyễn Thị Ngân sử dụng phần đất có diện tích 150,7m², tại thửa đất số 07, tờ bản đồ số: Phù Đồng 9, tại Xóm Bộ, thôn Phù Đồng 2, xã Phù Đồng, huyện Gia Lâm, Hà Nội giới hạn bởi các điểm 16,9,10,11,12,16. (Có sơ đồ kèm theo). Vị trí ở phía Bắc thửa đất (phía sau nhà hiện vợ chồng ông Thắng, bà Nhị đang sử dụng). So với kỷ phần bà Ngân được hưởng thừa 57,19m², bà Ngân có nghĩa vụ thanh toán bằng tiền trả bà Nga là 571.900.000đồng.

Giao cho ông Nguyễn Hợp Thắng và bà Nguyễn Thị Nhị được sử dụng 178,08 m² đất tại thửa đất số 07, tờ bản đồ số: Phù Đồng 9, tại Xóm Bộ, thôn Phù Đồng 2, xã Phù Đồng, huyện Gia Lâm, Hà Nội. Vị trí về phía Tây- Nam thửa đất, nơi có nhà ngói 3 gian vợ chồng ông Thắng, bà Nhị đang sử dụng, giới hạn bởi các điểm 17,16,12,13,17. (Có sơ đồ kèm theo).

Về lối đi :

Do chỉ có lối đi duy nhất của thửa đất là lối đi phía Nam hiện nay.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nga, trích trừ vào kỷ phần thừa kế của bà Nga diện tích là 82 m² đất giới hạn bởi các điểm 1,8,9,16,17,13,14,15,1 (Có sơ đồ kèm theo). Vị trí giáp hồi nhà của ông Thắng và phá một phần nhà cụ Quế, bà Nga sử dụng trước đây để làm ngõ đi chung với chiều rộng 2m, chiều dài chạy dọc từ Bắc đến Nam ra đến ngõ đi chung của thửa đất hiện nay.

Tài sản trên đất:

Hiện nhà 3 gian do vợ chồng ông Thắng đang sử dụng là do nhà cũ của cụ Thìn (Ba), cụ Quế xây dựng sau đó vợ chồng ông Thắng xây dựng và sửa chữa phía trên mái, tường, nền và sân. Ông Thắng tiếp tục sử dụng tài sản này. Không ai yêu cầu tính chia giá trị tài sản này nên không xem xét.

02 gian nhà của cụ Quế và bà Nga sử dụng trước đây nay đã cũ hỏng, không còn giá trị sử dụng, bà Nga tự nguyện phá dỡ một phần gian nhà làm lối đi chung, phần còn lại bà Nga có quyền dỡ bỏ hoặc sử dụng.

Cây cối lâm lộc trên đất do mới trồng nên khi tiến hành xem xét thẩm định và định giá tài sản không có ai yêu cầu gì nên Tòa án không tiến hành xem xét thẩm định và định giá tài sản. Các nguyên đơn xác định là tài sản của vợ chồng ông Thắng, bà Nhị nên khi chia đất, cây cối lâm lộc trên đất của bà Nga, bà Ngân được chia thì ông Thắng, bà Nhị có trách nhiệm chuyển cây cối lâm lộc đi nơi khác và tự chịu chi phí vận chuyển.

Về án phí:

- ***Về án phí sơ thẩm:*** Bà Nguyễn Thị Nga là hộ cận nghèo, có đơn xin miễn giám án phí nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của UBTVQH . Trả lại bà Nguyễn Thị Nga số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004920 ngày 05 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lâm.

Bà Nguyễn Thị Ngân phải chịu 40.053.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị Ngân đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004919 ngày 05 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lâm, được giữ lại để đối trừ vào tiền án phí.

Ông Nguyễn Hợp Thắng phải chịu 52.739.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Hoàng Thị Nhị phải chịu 20.914.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí phúc thẩm: Do Giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Miễn cho bà Nguyễn Thị Nga án phí dân sự phúc thẩm. Ông Nguyễn Hợp Thắng phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0073597 ngày 27 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lâm. Bà Hoàng Thị Nhị phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0073596 ngày 27 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lâm. Bà Nguyễn Thị Ngân phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0073515 ngày 06 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lâm

Trường hợp bản án, quyết định của tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai phúc thẩm, có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND TP.Hà Nội
- TAND huyện Gia Lâm ;
- THADS huyện Gia Lâm;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thanh Bình